

CHƯƠNG THỨ TƯ

THẾ THỨ TRIỀU LÝ (1010 – 1225)

I - VÀI NÉT VỀ TRIỀU LÝ

Năm Kì Dậu (1009), ngay sau khi Lê Ngọa Triều mất, đại diện cho quan lại là Đào Cam Mộc và đại diện cho các nhà sư là sư Vạn Hạnh, đã cùng nhau hợp lực tôn phò Lý Công Uẩn. Tháng 10 năm đó, Lý Công Uẩn được đưa lên ngôi hoàng đế, triều Lý chính thức được khai sinh.

Trong lịch sử Việt Nam, triều Lý là một triều đại lớn, để lại dấu ấn rất sâu sắc trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Về chính trị, đây là một trong hai triều đại tiêu biểu của chế độ quý tộc trị nước. Về kinh tế, đây cũng là một trong hai triều đại tiêu biểu của chế độ *điền trang - thái ấp*. Về văn hóa, triều Lý được các nhà nghiên cứu ghép chung với triều Trần và lấy tên chung đó để đặt cho cả một giai đoạn văn hóa lớn, từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XV : *Văn hóa Lý - Trần*.

Thời Lý có mấy sự kiện nổi bật sau đây :

1 - Về chính trị

- Năm 1010, triều Lý dời đô từ Hoa Lư ra La Thành và đổi gọi La Thành là Thăng Long kể từ đó.
- Năm 1054, triều Lý đặt quốc hiệu mới cho nước ta là Đại Việt.

- Năm 1164, nhà Tống đã buộc phải thừa nhận ta là một quốc gia riêng. Từ đây, người Trung Quốc gọi nước ta là An Nam Quốc.

2 - Về quân sự

- Năm 1069, đánh vào Chiêm Thành, phá tan âm mưu của nhà Tống trong việc lợi dụng Chiêm Thành để tấn công xâm lược nước ta.

- Cuối năm 1075, đầu năm 1076 : bất ngờ cho quân tràn sang lãnh thổ Trung Quốc, phá tan tiềm năng xâm lăng mà nhà Tống đã dày công chuẩn bị và tập hợp ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm (cả ba châu này đều nằm ở hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Quốc).

- Tháng 3 năm 1077, toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược Như Nguyệt, đè bẹp hoàn toàn ý chí xâm lăng của nhà Tống đối với nước ta.

3 - Về văn hóa

- Năm 1070, cho lập Văn Miếu (nơi thờ Khổng Tử và các bậc tiên hiền của Nho gia), mở đường cho Nho học phát triển ở nước ta một cách mạnh mẽ hơn.

- Năm 1075, mở khoa thi Nho học đầu tiên. Từ đây thi cử Nho học được coi là một trong những cơ sở để tuyển lựa quan lại.

Không thấy sử chép về dân số nước ta dưới thời Lý. Tuy nhiên, lãnh thổ nước ta từ năm 1069 có được mở rộng hơn. Năm này, Đại Việt đã đánh Chiêm Thành, và gắn liền với thắng lợi của trận này, triều Lý đã chiếm của Chiêm Thành ba châu : Địa lí, Ma Linh (cũng viết là Minh Linh) và Bố Chính. Đối chiếu với bản đồ hiện đại, ba châu này nay tương ứng với toàn bộ tỉnh Quảng Bình cộng với một phần phía bắc của tỉnh Quảng Trị. Cộng với quy luật phát triển tự nhiên, việc mở rộng lãnh thổ này ắt hẳn có làm cho dân số tăng nhanh hơn trước.

II - THẾ THỨ CÁC TRIỀU VUA THỜI LÝ

1 - Lý Thái Tổ (1010-1028)

- Họ và tên : Lý Công Uẩn.
- Vua sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất (974) tại châu Cổ Pháp (nay là Bắc Ninh, Hà Bắc).
- Thân sinh của vua không rõ tên, chỉ biết năm 1010, được vua tôn phong là Hiến Khánh Vương, thân mẫu người họ Phạm, được tôn phong là Minh Đức thái hậu. Tương truyền, thân mẫu của vua đi chơi ở chùa Tiên Sơn (Hà Bắc), đêm nghỉ lại, nằm mơ thấy đi lại với thần nhân mà sinh ra vua. Từ năm lên ba tuổi, vua làm con nuôi của Lý Khánh Văn.
- Thời Lê Ngọa Triều, vua từ chức Tư sương quân phó chỉ huy sứ, được thăng đến chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Bởi chức này, sử cũ thường gọi vua là Thân vệ.
- Vua lên ngôi tháng 10 năm Kì Dậu (1009), nhưng bắt đầu đặt niên hiệu riêng từ 1010 nên sử vẫn thường tính năm đầu đời Lý Thái Tổ là năm 1010.
- Vua ở ngôi 18 năm, mất vì bệnh ngày 3 tháng 3 năm Mậu Thìn (1028) , thọ 54 tuổi.
- Trong 18 năm làm vua, vua chỉ dùng một niên hiệu duy nhất là Thuận Thiên.

2 - Lý Thái Tông (1028-1054)

- Họ và tên : Lý Phật Mã, lại có tên khác là Lý Đức Chính, con trưởng của Lý Thái Tổ, mẹ là Lê thái hậu (không rõ tên).
- Vua sinh ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý (1000) tại Hoa Lư (khi thân sinh còn làm quan cho triều Tiền Lê).
- Được lập làm thái tử vào tháng 4 năm Nhâm Tý (1012).
- Vua lên ngôi ngày 4 tháng 3 năm Mậu Thìn (1028), ở ngôi 26 năm, mất ngày 01 tháng 10 năm Giáp Ngọ (1054) vì bệnh, thọ 54 tuổi.

– Trong thời gian 26 năm ở ngôi, Lý Thái Tông đã 6 lần đặt niên hiệu. Đó là :

- Thiên Thành : 1028 – 1034
- Thông Thụy : 1034 – 1039
- Càn Phù Hữu Đạo : 1039 – 1042
- Minh Đạo : 1042 – 1044
- Thiên Cảm Thánh Vũ : 1044 – 1049
- Sùng Hưng Đại Bảo : 1049 – 1054.

3 - Lý Thánh Tông (1054–1072)

– Họ và tên : Lý Nhật Tôn.

– Các bộ chính sử đều chép vua là con trưởng của Lý Thái Tông, mẹ người họ Mai, tức Kim Thiên thái hậu, duy chỉ có sách *Đại Việt sử lược* chép vua là con thứ ba của Lý Thái Tông và mẹ là Linh Cảm thái hậu.

– Vua sinh ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi (1023) tại kinh thành Thăng Long.

– Được lập làm thái tử ngày 6 tháng 5 năm Mậu Thìn (1028).

– Lên ngôi ngày 01 tháng 10 năm Giáp Ngọ (1054).

– Vua ở ngôi 18 năm, mất tháng 1 năm Nhâm Tý (1072), hưởng thọ 49 tuổi.

– Trong 18 năm trị vì, vua Lý Thánh Tông đã 5 lần đặt niên hiệu. Đó là :

- Long Thụy Thái Bình : 1054 – 1058
- Chương Thánh Gia Khánh : 1059 – 1065
- Long Chương Thiên Tự : 1066 – 1068
- Thiên Huống Bảo Tượng : 1068 – 1069
- Thần Vũ : 1069 – 1072.

4 - Lý Nhân Tông (1072–1127)

– Họ, tên : Lý Càn Đức.

- Vua là con trưởng của Lý Thánh Tông, mẹ là Linh Nhân thái hậu (tức bà Ý Lan).
- Vua sinh ngày 25 tháng 1 năm Bính Ngọ (1066) tại kinh thành Thăng Long.
- Lên ngôi tháng 1 năm Nhâm Tý (1072), ở ngôi 55 năm, mất ngày 12 tháng 12 năm Đinh Mùi (1127), thọ 61 tuổi.
- Trong thời gian 55 năm ở ngôi, Lý Nhân Tông đã 8 lần đặt niên hiệu, cụ thể như sau :
 - Thái Ninh : 1072 - 1076
 - Anh Vũ Chiêu Thắng : 1076 - 1084
 - Quảng Hựu : 1085 - 1092
 - Hội Phong : 1092 - 1100
 - Long Phù : 1101 - 1109 (riêng niên hiệu này, sách *Đại Việt sử lược* chép là *Long Phù Nguyên Hóa*).
 - Hội Tường Đại Khánh : 1110 - 1119
 - Thiên Phù Duệ Vũ : 1120 - 1126
 - Thiên Phù Khánh Thọ : 1127.

5 - Lý Thần Tông (1128-1138)

- Họ và tên : Lý Dương Hoán.
- Vua là cháu, gọi vua Lý Nhân Tông bằng bác ruột. Thân sinh của vua là Sùng Hiền Hầu (em ruột Lý Nhân Tông), thân mẫu là Đỗ phu nhân (không rõ tên). Đến tháng 1 năm Kỷ Dậu (1129), Sùng Hiền Hầu được tôn làm thái thượng hoàng, Đỗ phu nhân được tôn làm thái hậu, nhưng đó chỉ là hư vị chứ không có thực quyền.
- Vua sinh tháng 6 năm Bính Thân (1116), đến năm Đinh Dậu (1117) thì được Lý Nhân Tông nhận làm con nuôi.
- Vua lên ngôi cuối tháng 12 năm Đinh Mùi (1127), ở ngôi 10 năm, mất ngày 26 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138), thọ 22 tuổi.
- Trong thời gian 10 năm ở ngôi, Lý Thần Tông đã đặt hai niên hiệu. Đó là :
 - Thiên Thuận : 1128 - 1132

• Thiên Chương Bảo Tự : 1133 – 1138

6 - Lý Anh Tông (1138–1175)

– Họ và tên : Lý Thiên Tộ.

– Vua là con trưởng của Lý Thần Tông mẹ là Lê thái hậu (không rõ tên).

– Vua sinh vào tháng 4 năm Bính Thìn (1136), lên ngôi ngày 1 tháng 10 năm Mậu Ngọ (1138), ở ngôi 37 năm, mất vào tháng 7 năm Ất Mùi (1175), thọ 39 tuổi.

– Trong 37 năm ở ngôi, Lý Anh Tông đã đặt 4 niên hiệu, cụ thể như sau :

• Thiệu Minh : 1138 – 1140

• Đại Định : 1140 – 1162

• Chính Long Bảo Ứng : 1163 – 1174

• Thiên Cảm Chí Bảo : 1174 – 1175.

7 - Lý Cao Tông (1175–1210)

– Họ và tên : Lý Long Trát, lại có tên khác là Lý Long Cán.

– Vua là con thứ 6 của Lý Anh Tông, mẹ là Thụy Châu thái hậu, người họ Đỗ.

– Vua sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tị (1173), lên ngôi vào tháng 7 năm Ất Mùi (1175), ở ngôi 34 năm, mất ngày 28 tháng 10 năm Canh Ngọ (1210), thọ 37 tuổi.

– Trong 34 năm ở ngôi, vua Lý Cao Tông đã đặt 4 niên hiệu, cụ thể như sau :

• Trinh Phù : 1176 – 1186

• Thiên Tư Gia Thụy : 1186 – 1202

• Thiên Gia Bảo Hựu : 1202 – 1205

• Trị Bình Long Ứng : 1205 – 1210

8 - Lý Huệ Tông (1210–1224)

– Họ và tên : Lý Hạo Sảm.

- Con trưởng của Lý Cao Tông, mẹ là Đàm thái hậu (không rõ tên).
- Vua sinh tháng 7 năm Giáp Dần (1194), được lập làm thái tử vào tháng 1 năm Mậu Thìn (1208), lên ngôi cuối năm Canh Ngọ (1210), ở ngôi 14 năm.
- Tháng 10 năm Giáp Thân (1224), vua truyền ngôi cho con gái thứ là Lý Chiêu Hoàng rồi đi tu ở chùa Chân Giáo (trong thành Thăng Long), hiệu là Huệ Quang Thiền Sư.
- Tháng 8 năm Bính Tuất (1226), vua bị nhà Trần bức tử, thọ 32 tuổi.
- Trong 14 năm ở ngôi, vua Lý Huệ Tông chỉ đặt một niên hiệu, đó là Kiến Gia (1211 - 1224).

9 - Lý Chiêu Hoàng (1224-1225)

- Họ và tên : Lý Phật Kim, lại có tên khác là Lý Thiên Hình Nữ.
- Nữ hoàng sinh vào tháng 9 năm Mậu Dần (1218), là con thứ của vua Lý Huệ Tông, mẹ là Thuận Trinh thái hậu Trần Thị Dung.
- Tháng 10 năm Giáp Thân (1224), được lập làm thái tử và ngay sau đó thì được truyền ngôi.
- Nữ hoàng ở ngôi hơn một năm, đến tháng 12 năm Ất Dậu (1225) thì nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh (Trần Thái Tông). Từ đây, bà là Chiêu Thánh hoàng hậu.
- Tháng 1 năm Đinh Dậu (1237), 19 tuổi, vì lý do "không có con", bà bị phế và giáng làm công chúa. Người thay địa vị hoàng hậu là bà Thuận Thiên (chị ruột của bà, trước đã gả cho Trần Liễu là anh ruột của vua Trần Thái Tông và đã có thai với Trần Liễu được ba tháng).
- Tháng 1 năm Mậu Ngọ (1258), 40 tuổi, bà được đem gả cho Lê Tần (tức Lê Phụ Trần), một danh tướng của triều Trần.
- Bà mất vào tháng 3 năm Mậu Dần (1278), sau khi đã sanh hạ cho Lê Tần hai người con (một trai, một gái), thọ 60 tuổi.

- Niên hiệu trong thời gian ở ngôi của bà là Thiên Chương Hữu Đạo (1224 - 1225).

Như vậy, triều Lý tồn tại 215 năm, với 9 đời vua nối nhau trị vì. Trong 9 đời vua đó có :

- Một vua là nữ (Lý Chiêu Hoàng).

- Vua ở ngôi lâu nhất là Lý Nhân Tông (55 năm) và vua ở ngôi ngắn nhất là Lý Chiêu Hoàng (1 năm).

- Vua lên ngôi sớm nhất là Lý Anh Tông (lúc hai tuổi) và Lý Cao Tông (lúc 3 tuổi). Vua lên ngôi muộn nhất là Lý Thái Tổ (lúc 36 tuổi) - vua đầu của triều Lý.

- Vua đổi niên hiệu nhiều nhất là Lý Nhân Tông (8 lần) và có ba vua chỉ đặt một niên hiệu, đó là Lý Thái Tổ, Lý Huệ Tông và Lý Chiêu Hoàng.

- Vua thọ nhất là Lý Nhân Tông (61 tuổi) và vua mất sớm nhất là Lý Thần Tông (22 tuổi).

- Vua không có con trai để nối ngôi, phải truyền ngôi cho cháu là Lý Nhân Tông, hoặc phải truyền ngôi cho con gái là Lý Huệ Tông.

THẾ THỨ TRIỀU TRẦN

(1225 - 1400)

I - SƠ LƯỢC VỀ TRIỀU TRẦN

Tháng 12 năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh. Triều Trần được dựng lên kể từ đó. Triều Trần (1225-1400) là một trong những triều đại lớn của lịch sử Việt Nam. Nhìn chung, thể chế chính trị, kết cấu giai cấp và xã hội, đặc trưng kinh tế và văn hóa của triều Trần có nhiều điểm tương đồng với triều Lý, khác nhau chẳng thì cũng chỉ là ở mức độ mà thôi.

Thời Trần, Đại Việt là một trong những quốc gia hùng cường, có uy danh lừng lẫy, ngoại xâm phải kiêng sợ, lân bang phải kính nể. Thời Trần là thời của hàng loạt những nhân vật lịch sử sáng chói. Về chính trị thì có các vị vua sáng giá như : Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông và các vị vương tước xuất chúng, mà nổi bật hơn cả là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Về quân sự thì có các vị mưu sĩ và các bậc dũng tướng khét tiếng như Trần Thủ Độ, Lê Tần, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Địa Lô... mà kiệt hiệt hơn hết vẫn là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, người đã khai sinh ra nền khoa học quân sự Việt Nam. Về văn hóa, đây cũng là triều đại đã sản sinh cho lịch sử những nhân vật kì tài như: Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trung